

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế Lâm Đồng

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế huyện Di Linh

Số giấy phép hoạt động 244/LĐ-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế Lâm Đồng, ngày 01 tháng 3 năm 2019

Địa chỉ: Số 20 Phạm Ngọc Thạch, tổ dân phố 4, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS Lê Thành Quang

Điện thoại liên hệ: 02633.767119 Email (nếu có): khnv.dsdilinh@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:
 - Bác sỹ
 - Y sỹ
 - Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: *Phục lục kèm theo*
3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Thực hành được liệu
4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 165 người
5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 540.000VNĐ / Tháng (0.3*lương cơ bản / tháng)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có): Kế hoạch số 109/KH-TTYT, ngày 13/3/2024 của Trung tâm Y tế huyện Di Linh, Hướng dẫn thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Di Linh

Nơi nhận:

- Sở Y tế (phòng NVY) ;
- Phòng TCHC, TCKT;
- Các bộ phận trực thuộc;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu: VT, KHNVD&DS.

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Quang

Danh sách người hướng dẫn thực hành
(kèm theo công văn số: /TTYT, ngày /3/2024 của Trung tâm Y tế huyện Di Linh)

STT	Người hướng dẫn thực hành	Bằng cấp chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề tại cơ sở KCB (năm)	Nội dung hướng dẫn thực hành	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1	Lê Thành Quang	BSCKI CTCH	000106/LĐ - CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	12	Chuyên khoa ngoại	Bác sĩ, y sĩ
2	Lê Công Tuấn	BSCKI Nội tiết	001224/LĐ-CCHN, QĐ số 428/QĐ-SYT, ngày 27/04/2018 bổ sung PVHĐCM: CK Nội tiết.	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh Nội tiết	6	Chuyên khoa Nội, hồi sức	Bác sĩ, y sĩ
3	Lê Thị Mỹ Châu	BSCKI PHCN	004038/LĐ - CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5	Chuyên khoa Nội, hồi sức	Bác sĩ, y sĩ
4	Njriêng Njàn Thu	BS đa khoa	003710/LĐ-CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7	Chuyên khoa Nội, hồi sức	Bác sĩ, y sĩ
5	K' Broi	BSCKI Nội	001222/LĐ-CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	11	Chuyên khoa Nội, hồi sức	Bác sĩ, y sĩ
6	K' Bỏ	BSCKI truyền nhiễm	000163/LĐ-CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh nội, truyền nhiễm	12	Chuyên khoa Nội, hồi sức	Bác sĩ, y sĩ
7	Ka' Hảo	BSCKI lão khoa	001495/LĐ-CCHN, QĐ số 539/QĐ-SYT, ngày 06/4/2023 bổ sung PVHĐCM: CK Lão khoa	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh lão khoa	11	Chuyên khoa Nội, hồi sức	Bác sĩ, y sĩ

8	Trần Ngọc Văn	BCKI mắt	000108/LĐ-CCHN, QĐ số 426/QĐ-SYT, ngày 27/04/2018, bổ sung PVHĐCM: Chuyên khoa mắt	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh mắt	6	Chuyên khoa mắt	Bác sĩ, y sĩ
9	K' Brép	BS sơ bộ mắt	003402/LĐ-CCHN, Bổ sung PVHĐCM: 668/QĐ-SYT, 07/05/2019, CK mắt	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh mắt	7	Chuyên khoa mắt	Bác sĩ, y sĩ
10	K' Nhim	BCK tâm thần	003783/LĐ-CCHN, 22/08/2014, PVHĐCM: đa khoa, Bổ sung PVHĐCM: 666/QĐ-SYT, 07/05/2019, CK Tâm thần	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh tâm thần	10	Chuyên khoa tâm thần	Bác sĩ, y sĩ
11	Ka Hor	BCKI Nhi	000201/LĐ-CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa	12	Chuyên khoa Nhi	Bác sĩ, y sĩ
12	Vòng Vĩnh Quay	BCKI Nhi	0018222/HCM-CCHN, QĐ BSPVHĐCM: 1153/QĐ-SYT, ngày 08/8/2017 của Sở Y tế TP. HCM,	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	7	Chuyên khoa Nhi	Bác sĩ, y sĩ
13	Nguyễn Xuân Luận	BS YHCT	001494/LĐ-CCHN	BS khám bệnh, chữa bệnh YHCT	11	YHCT&PHCN	Bác sĩ, y sĩ YHCT

14	Lê Đức Lực	BS YHCT	004685/LĐ-CCHN	BS khám bệnh, chữa bệnh YHCT	3	YHCT&PHCN	Bác sĩ, y sĩ YHCT
16	Lù Giao Phúii	BS YHCT	0002106/LĐ-CCHN	BS khám bệnh, chữa bệnh YHCT	10	YHCT&PHCN	Bác sĩ, y sĩ YHCT
17	K' DLong	BSCKI ngoại	000318/LĐ-CCHN	BS khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	12	Chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ, y sĩ
18	Nguyễn Hoàng Thông	BSCKI TMH	001492/LĐ-CCHN, QĐ số 16/QĐ-SYT, ngày 14/01/2016, bổ sung PVHĐCM: Chuyên khoa TMH	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh TMH	11	Chuyên khoa tai mũi họng	Bác sĩ, y sĩ
19	Đỗ Văn Thanh	BSCKI ngoại	001466/LĐ - CCHN, QĐ số 427/QĐ-SYT, ngày 27/04/2018, bổ sung PVHĐCM: Chuyên khoa Ngoại	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	11	Chuyên khoa ngoại	Bác sĩ, y sĩ
20	K' Bét	BS sơ bộ RHM	001697/LĐ-CCHN, QĐ số 421/QĐ-SYT, ngày 27/04/2018, bổ sung PVHĐCM: Chuyên khoa RHM	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh RHM	11	Chuyên khoa răng hàm mặt	Bác sĩ, y sĩ

21	Ka Sơn	BSCKI da liễu	001247/LĐ-CCHN, QĐ số 15/QĐ-SYT, ngày 14/01/2016, bổ sung PVHĐCM: chuyên khoa Da liễu	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh da liễu,	11	chuyên khoa da liễu	Bác sĩ, y sĩ
22	Y Gút	BSCKI phụ sản	001245/LĐ-CCHN, QĐ số 424/QĐ-SYT, ngày 27/04/2018, bổ sung PVHĐCM: Chuyên khoa Phụ sản,	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh phụ sản	11	chuyên khoa phụ sản	Bác sĩ, y sĩ
23	Ka Thuìh	BS sơ bộ sản	0002210/LĐ-CCHN, QĐ số 422/QĐ-SYT, ngày 27/04/2018, bổ sung PVHĐCM: CK phụ sản	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh phụ sản	10	chuyên khoa phụ sản	Bác sĩ, y sĩ
24	Lê Đắc Phú	BS sơ bộ sản	000522/LĐ-CCHN, QĐ số 425/QĐ-SYT, ngày 27/04/2018, bổ sung PVHĐCM: Chuyên khoa Phụ sản	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh phụ sản	11	chuyên khoa phụ sản	Bác sĩ, y sĩ
25	Phan Thuỳ Trang Tổ Uyên	BS sơ bộ sản	003526/LĐ - CCHN, QĐ số 665/QĐ-SYT, ngày 07/05/2016, bổ sung PVHĐCM: Chuyên khoa phụ sản	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh phụ sản	11	chuyên khoa phụ sản	Bác sĩ, y sĩ

26	Nguyễn Đình Minh	CN HAYH	000105/LĐ-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	12	KTV hình ảnh	KTV CĐHA
27	Nguyễn Quỳnh Ngọc Châu	CN Xét nghiệm	004583/LĐ-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	3	KTV Xét nghiệm	KTV Xét nghiệm
28	Nguyễn Thị Phương Dung	CN điều dưỡng	001484/LĐ-CCHN	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	11	Điều dưỡng	Điều dưỡng
29	Nguyễn Phạm Minh Thạch	CN điều dưỡng	002198/LĐ-CCHN	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	10	Điều dưỡng	Điều dưỡng

30	Nguyễn Thị Bích Ngọc	CN điều dưỡng	003930/LĐ-CCHN	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	6	Điều dưỡng	Điều dưỡng
31	Ka Deck TouPlui	CN điều dưỡng	001473/LĐ-CCHN	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	11	Điều dưỡng	Điều dưỡng
32	Ka Dũruh	CN hộ sinh	001469/LĐ-CCHN	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	11	Hộ sinh	Hộ sinh

33	Phạm Kim Ngọc	CN hộ sinh	000169/LĐ-CCHN	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	12	Hộ sinh	Hộ sinh
----	---------------	------------	----------------	--	----	---------	---------